

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG HƯNG YÊN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VẠN AN - HÀ NỘI

VAN AN HA NOI VALUATION AND AUDITING COMPANY LIMITED

MỤC LỤC	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 – 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04 – 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	06 – 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 – 24

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hưng Yên trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024.

1. Công ty

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hưng Yên (sau đây gọi là “Công ty”) là Công ty cổ phần được cổ phần hóa từ Trung tâm giống cây trồng tỉnh Hưng Yên theo quyết định số 524/QĐ-UB ngày 24/3/2005 của UBND tỉnh Hưng Yên. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0900183684, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 13/01/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 22/12/2011.

2. Trụ sở chính

Công ty có trụ sở chính tại: Thôn Đỗ Hạ, Xã Quang Vinh, Huyện Ân Thi, Tỉnh Hưng Yên.

3. Hoạt động kinh doanh chính

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là Sản xuất kinh doanh giống cây trồng; Cho thuê văn phòng làm việc, kho xưởng, sân phơi và cơ sở hạ tầng để sản xuất giống cây trồng ngắn ngày.

4. Ban lãnh đạo công ty

Các thành viên Ban Lãnh đạo Công ty đã điều hành Công ty trong suốt năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thị Chuyên
Bà Thái Thị Vân Anh
Ông Nguyễn Quang
Ông Lương Thế Anh
Bà Giang Thị Hằng

Chủ tịch Hội đồng quản trị
Phó Chủ tịch hội đồng quản trị
Thành viên Hội đồng quản trị
Thành viên Hội đồng quản trị
Thành viên Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Nhâm
Ông Đỗ Chí Hậu

Trưởng Ban kiểm soát
Thành viên Ban kiểm soát

Ban Giám đốc và kế toán

Bà Nguyễn Thị Chuyên
Bà Trịnh Thị Tú Uyên

Giám đốc Công ty
Phụ trách kế toán Công ty

5. Tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và phân phối lợi nhuận

Tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính từ trang số 06 đến trang số 24 kèm theo.

6. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

7. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Vạn An – Hà Nội đã được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty.

8. Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đã được thuyết minh trong Báo cáo tài chính hay chưa;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở giả định hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

9. Ý kiến của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và các lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty.



Chịu trách nhiệm và đại diện Ban Giám đốc

Nguyễn Thị Chuyên
Giám đốc

Hưng Yên, ngày 31 tháng 03 năm 2025

SỐ: 96/2025/VACA-HANOI/BCKT-BCTC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

*Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024
của Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hưng Yên*

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hưng Yên

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hưng Yên, từ trang 06 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Do được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 sau ngày kết thúc niên độ nên chúng tôi không thể tham gia chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho tại ngày lập báo cáo tài chính. Tại ngày 31/12/2024, Công ty đã thực hiện đối chiếu xác nhận nợ phải thu, nợ phải trả nhưng chưa đầy đủ. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế đã thực hiện, chúng tôi không thể thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đưa ra ý kiến về tính hiện hữu, tính đúng đắn của các khoản mục này và ảnh hưởng của chúng đến Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty.

Đến ngày kết thúc cuộc kiểm toán, chúng tôi không nhận được Báo cáo tài chính của Công ty TNHH Kỹ thuật Nông - Công nghiệp Hưng Thịnh - đơn vị nhận vốn góp liên doanh của Công ty. Giá trị ghi sổ khoản đầu tư là 2.580.904.170 đồng, theo hợp đồng góp vốn không số tháng 02 năm 2011. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về khả năng, mức độ thu hồi và giá trị hợp lý của khoản đầu tư này.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hưng Yên tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc rằng: Tại ngày 31/12/2024, số dư khoản lỗ lũy kế của Công ty là (39.536.864.216) đồng, các khoản nợ phải trả của Công ty đã vượt quá tổng tài sản của Công ty là 32.132.095.342 đồng. Những điều kiện này, cùng những vấn đề khác được trình bày tại mục VII.3. của Thuyết minh Báo cáo tài chính, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, theo đánh giá của Ban Giám đốc, doanh thu từ hoạt động cho thuê mặt bằng và giao khoán đất vẫn đủ duy trì hoạt động của Công ty. Do đó, Báo cáo tài chính của Công ty vẫn được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Vạn An – Hà Nội



Bùi Ngô Liên – Giám đốc

*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 1006 -2023-281-1*

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Phan Thị Bình – Kiểm toán viên

*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 6028-2023-281-1*

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

(Đơn vị tính: VND)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.352.642.560	16.806.663.210
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		59.344.725	120.784.031
1. Tiền	111	V.1	59.344.725	120.784.031
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.073.400.000	3.625.840.627
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	1.352.867.077	3.902.867.077
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3	1.776.000	4.216.627
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(281.243.077)	(281.243.077)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		1.159.407.835	12.995.468.552
1. Hàng tồn kho	141	V.4	1.159.407.835	12.995.468.552
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		60.490.000	64.570.000
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		60.490.000	64.570.000
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		6.917.676.745	12.743.310.294
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		3.479.094.630	4.139.515.346
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	3.479.094.630	4.139.515.346
- Nguyên giá	222		13.223.681.533	13.223.681.533
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.744.586.903)	(9.084.166.187)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		2.580.904.170	2.580.904.170
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.6	2.580.904.170	2.580.904.170
VI. Tài sản dài hạn khác	260		857.677.945	6.022.890.779
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	857.677.945	6.022.890.779
TỔNG TÀI SẢN	270		9.270.319.305	29.549.973.504

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 01 - DN

(Đơn vị tính: VND)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		41.402.414.647	46.218.181.138
I. Nợ ngắn hạn	310		41.402.414.647	46.218.181.138
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.8	5.361.470.617	5.068.520.617
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.9	-	2.640.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	12.179.621.556	10.507.407.217
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11	8.793.999.250	12.288.891.653
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		542.121.212	1.653.030.303
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	1.453.972.162	976.461.499
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13	13.071.000.000	15.721.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		229.850	229.850
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(32.132.095.342)	(16.668.207.634)
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	(32.132.095.342)	(16.668.207.634)
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		7.360.000.000	7.360.000.000
- Cổ phiếu phổ thông được quyền biểu quyết	411a		7.360.000.000	7.360.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		26.600.000	26.600.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		18.168.874	18.168.874
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(39.536.864.216)	(24.072.976.507)
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG NGUỒN VỐN	440		9.270.319.305	29.549.973.504

Hưng Yên, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Người lập

Phụ trách kế toán

Giám đốc









Trinh Thị Tú Uyên

Trinh Thị Tú Uyên

Nguyễn Thị Chuyên

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

(Đơn vị tính: VND)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.137.309.091	1.137.309.091
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.137.309.091	1.137.309.091
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	346.693.187	346.693.186
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		790.615.904	790.615.905
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.319	14.734
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	720.000.000	2.259.307.222
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		720.000.000	2.259.307.222
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	327.543.292	353.150.456
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(256.925.069)	(1.821.827.039)
11. Thu nhập khác	31	VI.6	4.226.057.775	15.985.696
12. Chi phí khác	32	VI.7	19.342.327.238	4.360.702.608
13. Lợi nhuận khác	40		(15.116.269.463)	(4.344.716.912)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(15.373.194.532)	(6.166.543.951)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(15.373.194.532)	(6.166.543.951)

Hưng Yên, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Người lập

Phụ trách kế toán

Giám đốc



Trinh Thi Tú Uyên

Trinh Thị Tú Uyên

Nguyễn Thị Chuyên

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

(Đơn vị tính: VND)

CHỈ TIÊU	MS TM	Năm 2024	Năm 2023
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(15.373.194.532)	(6.166.543.951)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	660.420.716	721.557.682
Lãi/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.319)	(14.734)
Chi phí lãi vay	06	720.000.000	2.259.307.222
Các khoản điều chỉnh khác	07	(11.165.374)	-
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước những thay đổi VLD	08	(14.003.941.509)	(3.185.693.781)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	2.556.520.627	181.231.988
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	11.836.060.717	3.063.840.425
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(2.965.294.295)	(83.522.449)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	5.165.212.834	(39.304.371)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.588.558.373	(63.448.187)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư:			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.319	14.734
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.319	14.734
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.650.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.650.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(61.439.306)	(63.433.451)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	120.784.031	184.217.482
Ảnh hưởng của thay đổi TG hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	59.344.725	120.784.031

Hưng Yên, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Người lập

Phụ trách kế toán

Giám đốc



Trinh Thị Tú Uyên

Trinh Thị Tú Uyên

Nguyễn Thị Chuyên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hưng Yên (sau đây gọi là “Công ty”) là Công ty cổ phần được cổ phần hóa từ Trung tâm giống cây trồng tỉnh Hưng Yên theo quyết định số 524/QĐ-UB ngày 24/3/2005 của UBND tỉnh Hưng Yên. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0900183684, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 13/01/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 22/12/2011.

Trụ sở chính Công ty tại: Thôn Đỗ Hạ, Xã Quang Vinh, Huyện Ân Thi, Tỉnh Hưng Yên.

Tổng số vốn điều lệ theo Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 2 là: 7.360.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bảy tỷ ba trăm sáu mươi triệu đồng chẵn*).

Chia làm: 736.000 Cổ phần.

Mệnh giá: 10.000 đồng/1 cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của công ty là Sản xuất Nông nghiệp và kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 2 bao gồm:

- Đại lý môi giới đầu giá; Chi tiết: Đại lý phân bón và hợp chất nitơ;
- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú);
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu; Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; hoạt động dịch vụ khuyến nông;
- Thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, các dự án giống cây trồng, dự phòng thóc giống; sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại giống cây trồng; kinh doanh các loại vật tư nông nghiệp, thiết bị nông nghiệp; chế biến và tiêu thụ các loại nông sản, thực phẩm; thu thập các loại giống cây ăn quả trong và ngoài nước để xây dựng vườn giống cây đầu dòng, sản xuất các loại giống cây ăn quả, giống cây lâm nghiệp, các loại giống cây công nghiệp ngắn ngày, nhân các loại giống rau màu thực phẩm, các loại giống cây hoa, cây cảnh, cây công trình và cây bóng mát bằng các phương pháp chiết, ghép, gieo hạt và nuôi cấy mô; tư vấn, chuyển giao kỹ thuật tiến bộ trong lĩnh vực nông nghiệp; tư vấn, khôi phục, phát triển các ngành nghề trong nông nghiệp và nông thôn; kinh doanh và chăn nuôi các loại động vật (trừ các loại động vật nhà nước cấm); sản xuất, kinh doanh các loại thủy sản; kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô; đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa; kinh doanh kho vận, bến bãi; kinh doanh xăng, dầu, mỡ, gas và các chất phụ trợ; kinh doanh trong lĩnh vực thương mại và du lịch; xây dựng các vùng du lịch sinh thái, khu vui chơi giải trí; dịch vụ thể thao và vui chơi giải trí; kinh doanh nhà hàng, khách sạn, nhà nghỉ, ăn uống, giải khát; sản xuất, kinh doanh thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm; sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ.

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024, hoạt động chính của Công ty là Sản xuất kinh doanh giống cây trồng; Cho thuê văn phòng làm việc, kho xưởng, sân phơi và cơ sở hạ tầng để sản xuất giống cây trồng ngắn ngày.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09 - DN

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty từ khâu dự trữ đến khi sản xuất sản phẩm hoàn thành, tiêu thụ sản phẩm dưới 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có sự kiện nào có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của công ty.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có khoản đầu tư vào Công ty liên kết: Công ty TNHH Kỹ thuật Nông - Công nghiệp Hưng Thịnh theo hợp đồng góp vốn không số tháng 02 năm 2011, giá trị ghi sổ khoản đầu tư của Công ty là: 2.580.904.170 đồng.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty đã được kiểm toán, các thông tin này bảo đảm tính so sánh được.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ Công ty sử dụng trong kế toán: Việt Nam Đồng.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty hoạt động liên tục và được áp dụng các chính sách kế toán sau đây:

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, tiền gửi có kỳ hạn mà thời gian đáo hạn ban đầu dưới 3 tháng kể từ ngày gửi và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có khả năng thanh khoản cao có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng hoặc ít hơn.

2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của công ty bao gồm: Đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua (T+0) và được xác định giá trị theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản Đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng tổn thất đầu tư tài chính.

Dự phòng tổn thất Đầu tư tài chính được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản Đầu tư chứng khoán kinh doanh và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn vào các doanh nghiệp khác, dự phòng tổn thất tài chính được trích lập khi vốn chủ sở hữu của các doanh nghiệp trên báo cáo tài chính hợp nhất (trên báo cáo tài chính riêng) của doanh nghiệp nhận đầu tư nhỏ hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu tại thời điểm cuối năm. Đối với các khoản cho vay, dự phòng tổn thất được trích lập như dự phòng phải thu khó đòi.

Khi Công ty được chia cổ tức bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm trên thuyết minh Báo cáo tài chính, không ghi nhận giá trị cổ phiếu được nhận, không ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính và không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư vào công ty cổ phần.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác:

Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán;

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn từ 6 tháng trở lên so với thời hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, các cam kết nợ hoặc được trích lập cho các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản, hay các khó khăn tương tự. Việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi được thực hiện theo quy định tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính.

Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo và theo từng đối tượng.

Khi lập Báo cáo tài chính, Các khoản phải thu có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng được phân loại là ngắn hạn, trên 12 tháng được phân loại là dài hạn. Việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi cũng được phân loại tương ứng.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Giá trị Hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

5. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác, liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với quy định tại thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng ước tính cho mục đích tính toán này như sau:

<u>Nhóm tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (Năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc, thiết bị	06 – 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03
Vườn cây	15 – 20

6. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước là chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

Các chi phí này được phân bổ vào chi phí SX-KD theo phương pháp đường thẳng, trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước được theo dõi chi tiết từng khoản chi phí trả trước theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí tại ngày lập báo cáo.

7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và phải trả khác:

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán.

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả và đối tượng phải trả.

Nợ phải trả được kế toán theo giá trị ghi nhận ban đầu. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

8. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị các khoản vay được ghi nhận theo số tiền gốc vay. Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay) được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Công ty hạch toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả là giá trị hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo, đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Các chi phí trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

Các khoản chi phí phải trả được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế (nếu có) được hoàn nhập.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp.

Lợi nhuận chưa phân phối là số lợi nhuận sau thuế từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận được thực hiện theo nghị quyết của Hội đồng quản trị, số lợi nhuận dùng để phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính.

Khi phân phối lợi nhuận Công ty loại trừ các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của doanh nghiệp;

Cổ tức phải trả đối với cổ tức của cổ phiếu ưu đãi mua lại, được trình bày nợ phải trả, không được ghi nhận từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi được phân loại là vốn chủ sở hữu và cổ tức của cổ phiếu thường được ghi nhận từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Công ty ghi nhận doanh thu bán hàng khi đã hoàn thành giao hàng theo quy định của hợp đồng và phát hành hóa đơn GTGT.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập báo cáo;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Công ty ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ khi đã hoàn thành cung cấp dịch vụ theo quy định của hợp đồng và phát hành hóa đơn GTGT.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập khác

Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh mà doanh nghiệp chắc chắn thu được.

Các khoản tiền phạt về bản chất là khoản giảm giá hàng mua, làm giảm khoản thanh toán cho người bán được hạch toán giảm giá trị tài sản hoặc khoản thanh toán (không hạch toán vào thu nhập khác) trừ khi tài sản có liên quan đã được thanh lý, nhượng bán.

12. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn được ghi nhận phù hợp với doanh thu tương ứng.

Ghi nhận giá vốn bảo đảm nguyên tắc thận trọng, giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, sau khi trừ đi các khoản bồi thường, (nếu có) kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán. Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

13. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm chi phí lãi tiền vay là lãi vay phải trả của các khoản vay ngắn hạn, dài hạn của Công ty được xác định theo số tiền nợ gốc vay, lãi suất vay đã được thoả thuận và thời gian vay thực tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09 - DN

14. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Các chi phí phục vụ tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ, quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận là chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp đầy đủ và đúng kỳ. Các chi phí phát sinh nhưng chưa nghiệm thu, chưa có đủ hồ sơ, Chi phí bảo hành sản hàng hóa, bảo hành công trình đã tiêu thụ trong kỳ, đã ghi nhận doanh thu, được công ty trích trước vào chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi giảm khi các khoản chi phí trích trước được nghiệm thu hoặc có đủ hồ sơ, nếu số phát sinh thực tế nhỏ hơn số đã trích vào chi phí; Hoặc hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết).

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(Đơn vị tính: VNĐ)

V.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2024	01/01/2024
Tiền mặt	34.192.423	95.610.048
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	25.152.302	25.173.983
Tổng	59.344.725	120.784.031

V.2 Phải thu khách hàng

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	1.352.867.077	279.467.077	3.902.867.077	279.467.077
Đào Thị Hằng- Số 40 Trung	374.400.000	-	2.924.400.000	-
Nhị, Lê Lợi, Hưng Yên	699.000.000	-	699.000.000	-
Quách Hữu Hào	279.467.077	279.467.077	279.467.077	279.467.077
Các đối tượng khác	-	-	-	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	1.352.867.077	279.467.077	3.902.867.077	279.467.077

V.3 Phải thu khác

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	1.776.000	1.776.000	4.216.627	1.776.000
Phải thu theo Hợp đồng Hợp				
tác kinh doanh với Công ty	-	-	2.440.627	-
TNHH TM Thiên Trang				
Hưng Yên	1.776.000	1.776.000	1.776.000	1.776.000
Tạm ứng	-	-	-	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	1.776.000	1.776.000	4.216.627	1.776.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09 - DN

V.4 Hàng tồn kho

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	29.108.458	-
Công cụ, dụng cụ	48.660.000	-	48.660.000	-
Hàng hóa	1.110.747.835	-	12.917.700.094	-
Tổng	1.159.407.835	-	12.995.468.552	-

V.5 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Năm 2024	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Vườn cây	Thiết bị quản lý	Tổng
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2024	10.876.752.239	766.790.032	1.528.696.262	51.443.000	13.223.681.533
Tại ngày 31/12/2024	10.876.752.239	766.790.032	1.528.696.262	51.443.000	13.223.681.533
Hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2024	7.122.433.314	763.767.683	1.146.522.190	51.443.000	9.084.166.187
Khấu hao trong năm	580.963.554	3.022.349	76.434.813	-	660.420.716
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2024	7.703.396.868	766.790.032	1.222.957.003	51.443.000	9.744.586.903
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2024	3.754.318.925	3.022.349	382.174.072	-	4.139.515.346
Tại ngày 31/12/2024	3.173.355.371	-	305.739.259	-	3.479.094.630

V.6 Các khoản đầu tư tài chính

	31/12/2024			01/01/2024		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	2.580.904.170			2.580.904.170		
Đầu tư vào Công ty TNHH Kỹ thuật Nông - Công nghiệp Hưng Thịnh	2.580.904.170	(*)	-	2.580.904.170	(*)	-

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Do đó, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09 - DN

V.7 Chi phí trả trước

	31/12/2024	01/01/2024
a) Ngắn hạn	-	-
b) Dài hạn	857.677.945	6.022.890.779
- Chi phí chăm sóc vườn cây giống Tam Thiên Mẫu (*)	857.677.945	6.022.890.779
Tổng	857.677.945	6.022.890.779

(*) Chi phí chăm sóc vườn Tam Thiên Mẫu bao gồm chi phí khấu hao vườn, tiền phân bón và tiền công chăm sóc cây giống từ năm 2018 đến nay. Trong năm, khi cây giống được bán thì chi phí này được phân bổ vào kết quả kinh doanh phù hợp với doanh thu bán cây giống hoặc nếu cây bị hư hỏng thì sẽ phân bổ để tính thiệt hại ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

V.8 Phải trả người bán

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	5.361.470.617	5.361.470.617	5.068.520.617	5.068.520.617
Công ty TNHH Tường Minh	2.700.000.000	2.700.000.000	2.700.000.000	2.700.000.000
Công ty TNHH xây dựng 668	1.639.000.000	1.639.000.000	1.639.000.000	1.639.000.000
Cửa hàng phân bón, thuốc trừ sâu Đặng Thị Thủy	784.950.000	784.950.000	470.000.000	470.000.000
Các đối tượng khác	237.520.617	237.520.617	259.520.617	259.520.617
b) Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	5.361.470.617	5.361.470.617	5.068.520.617	5.068.520.617

V.9 Người mua trả tiền trước

	31/12/2024	01/01/2024
a) Ngắn hạn	-	2.640.000
Công ty CP Phát triển Trường Thành	-	2.640.000
b) Dài hạn	-	-
Tổng	-	2.640.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỒNG CÂY TRỒNG HƯNG YÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09 - DN

V.10 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2024	Số phải nộp trong năm/ Tăng khác	Số đã thực nộp trong năm/Giảm khác	31/12/2024
a) Phải nộp				
Thuế GTGT	133.659.177	-	5.230.000	128.429.177
Thuế thu nhập doanh nghiệp	149.246.791	90.693.176	11.165.372	228.774.595
Thuế thu nhập cá nhân	30.099.571	55.527.273	-	85.626.844
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	9.663.604.443	1.417.774.499	-	11.081.378.942
Thuế BVMT và các thuế khác	8.000.000	2.000.000	-	10.000.000
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	522.797.235	122.614.763	-	645.411.998
Tổng	10.507.407.217	1.688.609.711	16.395.372	12.179.621.556
b) Phải thu				
Tổng	-	-	-	-

V.11 Chi phí phải trả

	31/12/2024	01/01/2024
a) Ngắn hạn	8.793.999.250	12.288.891.653
Lãi vay ngân hàng Agribank	2.658.832.583	6.873.724.986
Lãi vay Công ty TNHH Rapido Việt Nam	6.135.166.667	5.415.166.667
b) Dài hạn	-	-
Tổng	8.793.999.250	12.288.891.653

V.12 Phải trả khác

	31/12/2024	01/01/2024
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	1.918.157	1.918.157
Bảo hiểm xã hội	10.907.374	9.016.392
Bảo hiểm y tế	1.675.229	1.591.128
Bảo hiểm thất nghiệp	744.828	707.168
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.438.726.574	963.228.654
Tổng	1.453.972.162	976.461.499
b) Dài hạn		
Tổng	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG HUNG YÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09 - DN

V.13 Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2024		Phát sinh trong năm			01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a) Vay ngắn hạn	13.071.000.000	13.071.000.000	-	2.650.000.000	15.721.000.000	15.721.000.000	
Ngân hàng NN& PTNT huyện Ân Thi	7.071.000.000	7.071.000.000	-	2.650.000.000	9.721.000.000	9.721.000.000	
Công ty TNHH Rapido Việt Nam	6.000.000.000	6.000.000.000	-	-	6.000.000.000	6.000.000.000	
b) Vay dài hạn	-	-	-	-	-	-	
Tổng	13.071.000.000	13.071.000.000	-	2.650.000.000	15.721.000.000	15.721.000.000	

V.14 Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối và các quỹ	Tổng
Tại ngày 01/01/2023	7.360.000.000	26.600.000	18.168.874	(17.859.034.643)	(10.454.265.769)
Lỗ trong năm trước	-	-	-	(6.166.543.951)	(6.166.543.951)
Giảm khác (Phạt thuế TNDN)	-	-	-	(47.397.914)	(47.397.914)
Tại ngày 31/12/2023	7.360.000.000	26.600.000	18.168.874	(24.072.976.508)	(16.668.207.634)
Tại ngày 01/01/2024	7.360.000.000	26.600.000	18.168.874	(24.072.976.508)	(16.668.207.634)
Lỗ trong năm nay	-	-	-	(15.373.194.532)	(15.373.194.532)
Giảm khác (Thuế TNDN năm 2023)	-	-	-	(90.693.176)	(90.693.176)
Tại ngày 31/12/2024	7.360.000.000	26.600.000	18.168.874	(39.536.864.216)	(32.132.095.342)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09 - DN

b. Chi tiết vốn góp của Chủ sở hữu

	31/12/2024	01/01/2024
Vốn góp Nhà nước	6.399.000.000	6.399.000.000
Vốn góp của các Cổ đông khác	961.000.000	961.000.000
Tổng	7.360.000.000	7.360.000.000

c. Các giao dịch về vốn góp với chủ sở hữu

	Năm 2024	Năm 2023
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	7.360.000.000	7.360.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	7.360.000.000	7.360.000.000

V.15 Các khoản nợ xấu không thu hồi được đã trích lập dự phòng tại thời điểm 31/12/2024

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu khách hàng ngắn hạn	279.467.077	279.467.077	279.467.077	279.467.077
Ngô Thị Hào - Bắc Giang	15.700.000	15.700.000	15.700.000	15.700.000
Đặng Thị Phương - Bắc Giang	1.800.000	1.800.000	1.800.000	1.800.000
Nguyễn Văn Quyết - Mua thóc giống	11.497.500	11.497.500	11.497.500	11.497.500
Trần Trọng Hùng- Khoái Châu	4.960.000	4.960.000	4.960.000	4.960.000
Nguyễn Văn Dự- HT	21.577.500	21.577.500	21.577.500	21.577.500
Nguyễn Văn Đông- Ân Thi	2.340.000	2.340.000	2.340.000	2.340.000
Nguyễn Đình Thát- Trung Dũng, Tiên Lữ	2.440.000	2.440.000	2.440.000	2.440.000
Nguyễn Văn Tản- Đình Cao, PC	124.114.577	124.114.577	124.114.577	124.114.577
Nguyễn Văn Cường- BG	9.900.000	9.900.000	9.900.000	9.900.000
Nguyễn Văn Đôn- Thái Bình	41.488.000	41.488.000	41.488.000	41.488.000
Nguyễn Xuân Quỳnh- TB	23.543.000	23.543.000	23.543.000	23.543.000
Phòng Kinh tế Hùng Yên	1.425.000	1.425.000	1.425.000	1.425.000
Nguyễn Văn Quyết- NVKD	12.381.500	12.381.500	12.381.500	12.381.500
TT khảo KN Văn Lâm	6.300.000	6.300.000	6.300.000	6.300.000
Tạm ứng	1.776.000	1.776.000	1.776.000	1.776.000
Hoàng Văn Tịch - Từ Dương nợ SP vụ mùa 1996	944.700	944.700	944.700	944.700
Trần Thị Hiền nợ Sp vụ mùa 2001	617.800	617.800	617.800	617.800
Hoàng Thị Thu - Từ Dương nợ SP vụ mùa 2001	213.500	213.500	213.500	213.500
Tổng	281.243.077	281.243.077	281.243.077	281.243.077

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09 - DN

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Đơn vị tính: VNĐ)

VI.1. Doanh thu

	Năm 2024	Năm 2023
Doanh thu cho thuê tài sản gắn liền với đất và giao khoán đất	1.137.309.091	1.137.309.091
Tổng	1.137.309.091	1.137.309.091

VI.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2024	Năm 2023
Giá vốn cho thuê tài sản gắn liền với đất và giao khoán đất	346.693.187	346.693.186
Tổng	346.693.187	346.693.186

VI.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024	Năm 2023
Lãi tiền gửi	2.319	14.734
Tổng	2.319	14.734

VI.4. Chi phí tài chính

	Năm 2024	Năm 2023
Lãi tiền vay	720.000.000	2.259.307.222
Tổng	720.000.000	2.259.307.222

VI.5. Chi phí phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí nhân viên	305.227.825	285.247.021
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.951.467	48.017.435
Thuế phí, lệ phí	2.000.000	2.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.364.000	17.886.000
Tổng	327.543.292	353.150.456

VI.6. Thu nhập khác

	Năm 2024	Năm 2023
Các khoản khác	4.226.057.775	15.985.696
Tổng	4.226.057.775	15.985.696

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09 - DN

VI.7. Chi phí khác

	Năm 2024	Năm 2023
Các khoản phạt chậm nộp thuế, BHXH	1.172.051.276	9.456.205
Tổn thất cây chết trên vườn Tam Thiên Mẫu	-	4.351.246.403
Tổn thất do Bão Yagi	18.114.748.689	-
Các khoản khác	55.527.273	-
Tổng	19.342.327.238	4.360.702.608

VI.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí nhân công	305.227.825	285.247.021
Chi phí khấu hao tài sản cố định	172.132.773	216.198.741
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.364.000	17.886.000
Chi phí khác bằng tiền	180.511.881	180.511.880
Tổng	674.236.479	699.843.642

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán đến ngày phát hành báo cáo này làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

2. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Vạn An – Hà Nội. Các số liệu này bảo đảm tính so sánh được.

3. Thông tin về hoạt động liên tục

Tại ngày 31/12/2024, số dư khoản lỗ lũy kế (mã số 421) của Công ty là (39.536.864.216) đồng. Do đó, vốn chủ sở hữu (mã số 400) của Công ty bị âm (32.132.095.342) đồng, các khoản nợ phải trả của Công ty đã vượt quá tổng tài sản của Công ty là 32.132.095.342 đồng.

Năm 2024, do ảnh hưởng của bão Yagi làm cho vườn cây Tam Thiên Mẩu của Công ty bị thiệt hại lớn, ước tính giá trị tổn thất khoảng 18 tỷ đồng.

Tuy nhiên, theo đánh giá của Ban Giám đốc, doanh thu từ hoạt động cho thuê mặt bằng và giao khoán đất vẫn đủ duy trì hoạt động của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty vẫn được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Hưng Yên, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Người lập



Trinh Thị Tú Uyên

Phụ trách kế toán



Trinh Thị Tú Uyên

Giám đốc



Nguyễn Thị Chuyên

Hội sở: Tầng 3, Tòa nhà Sapphire Palace, Số 4 Chính Kinh, P. Thượng Đình,
Q. Thanh Xuân, Hà Nội

CÁC VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

VPĐD tại Hải Phòng:

Add: Số 184/201 Đường Trần Nguyên Hãn, P. Trần Nguyên Hãn, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng

VPĐD tại Hưng Yên:

Add: 14 Phố chợ Cửu Cao, Xã Cửu Cao, Huyện Văn Giang, Tỉnh Hưng Yên

VPĐD tại Tây Nguyên:

Add: 979 Phan Đình Phùng, P. Quyết Thắng, TP. Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

VPĐD tại Nghệ An

Add: Số nhà 23, ngõ 194, Đường Thăng Long, X. Nghi Kim, TP. Vinh, Tỉnh Nghệ An

VPĐD tại Cần Thơ

Add: Số 18-20, Đường số 2, KDC Diệu Hiền, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ

Tel: 024 6254 1618 | Hotline: 0912 020 644 | Email: vaca.audit.hn@gmail.com | Web: kiemtoanvanan-hn.com.vn